

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2020
V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Tuấn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Dũng
2. Ông Lý Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thái V**, sinh năm 1961

Đăng ký thường trú: ấp Thới Hòa A, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: ấp Tân Hòa, xã Tân Hội Đông, huyện CT, tỉnh TG.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1968

Trú tại: ấp Thới H, xã Thới Thạnh, huyện TL, thành phố CT.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2020 và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Thái V với bà Nguyễn Thị Y quen nhau, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 1982, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có với nhau 05 con chung tên Nguyễn Cẩm C (nữ), sinh ngày 01/01/1985; Nguyễn Thị Trâm H (nữ), sinh ngày 05/7/1988; Nguyễn Thị H1 (nữ), sinh ngày 13/12/1992; Nguyễn Thị C (nữ), sinh ngày 19/9/1995; tất cả đã trưởng thành và có gia đình; Nguyễn Văn C

(nam), sinh ngày 28/12/2005. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau có tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, ông V đã bỏ về quê ở tỉnh Tiền Giang sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Ông V nhận thấy không còn tình cảm với bà Y nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Y.

Về con chung: 04 người con lớn đã trưởng thành và đã có vợ, có chồng; riêng Nguyễn Văn C (nam), sinh ngày 28/12/2005, hiện đang sống với bà Y, ông đồng ý giao cho bà Y nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà với ông Nguyễn Thái V quen nhau, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 1982, nhưng không có đăng ký kết hôn. Có con chung như ông V trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không quan tâm nhau từ đó mâu thuẫn kéo dài và ông V bỏ về quê ở tỉnh Tiền Giang sinh sống từ năm 2012, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, nhưng bà không muốn ly hôn với ông V.

Về con chung: 05 con chung tên Nguyễn Cẩm C (nữ), sinh ngày 01/01/1985; Nguyễn Thị Trâm H (nữ), sinh ngày 05/7/1988; Nguyễn Thị H1 (nữ), sinh ngày 13/12/1992; Nguyễn Thị C (nữ), sinh ngày 19/9/1995, tất cả đã trưởng thành và đã có vợ có chồng; Nguyễn Văn C (nam), sinh ngày 28/12/2005, hiện đang sống với bà Y, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà Y tự xác định không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Thái V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Y nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, ông V và bà Y không có đăng ký kết hôn nhưng hôn nhân của ông bà được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Vì lẽ đó, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng

dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình thì trường hợp của ông V và bà Y là quan hệ hôn nhân kể từ ngày xác lập.

Ông V và bà Y thống nhất trình bày, từ năm 2012 ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, ông V bỏ về quê ở tỉnh Tiền Giang sinh sống đến nay. Nhưng bà Y không muốn ly hôn với ông V vì bà không muốn con thiếu tình cảm của người cha.

Xét thấy, hôn nhân của ông bà thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông V xin ly hôn với bà Y là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông V và bà Y khai nhận có 05 con chung tên Nguyễn Cẩm C (nữ), sinh ngày 01/01/1985; Nguyễn Thị Trầm H (nữ), sinh ngày 05/7/1988; Nguyễn Thị H1 (nữ), sinh ngày 13/12/1992; Nguyễn Thị C (nữ), sinh ngày 19/9/1995; tất cả đã trưởng thành và có vợ, có chồng. Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày 28/12/2005, ông V và bà Y thống nhất thỏa thuận giao cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận này không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm vào điều cấm của pháp luật nên cần công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà Y xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông V phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Thái V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Y.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn B (nam), sinh ngày 28/12/2005 cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Nguyễn Thái V theo quy định chung của pháp luật

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà Y xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thái V phải nộp số tiền 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu số 015925 ngày 20/10/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai sang thành tiền án phí. Ông V đã nộp xong.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Thới Lai;
- C cục THADS H. Thới Lai;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND xã Thới Thạnh, H. Thới Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tuấn Kiệt

